

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Tiến Bình
2. Bà Hoàng Thị Kim Yến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Đài Trang, Thư ký Tòa án nhân dân
quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Ánh, Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 338/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2018/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X; địa chỉ: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà V, số 72 Đường L, phường N, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Lê Văn Q; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồng Quốc T, năm sinh 1968 (có mặt).

(Theo giấy ủy quyền ngày 24 tháng 10 năm 2017).

2. Bị đơn: Ông Trịnh Hữu A, năm sinh 1982; địa chỉ: Số 78/H2 Đường H, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP X do ông Hồng Quốc T là người đại diện hợp pháp trình bày: Ngày 30/9/2014, ông Trịnh Hữu A ký với Ngân hàng TMCP X hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (bao gồm giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế). Căn cứ thu nhập của ông A, Ngân hàng TMCP X đã đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng, lãi suất 22.8%/năm (tương đương 1.9%/tháng). Trong quá trình sử dụng, ông A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng TMCP X và đã được đơn đốc, nhắc nhở nhưng ông A không thực hiện. Do ông A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP X đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện ông A tại Tòa án yêu cầu trả số tiền nợ tính đến ngày 27/6/2018 là 195.450.293 đồng và tiền lãi/phí 214.021.011 đồng, tổng tiền gốc và lãi/phí là 409.471.304 đồng. Đồng thời ông A phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế cho đến khi thanh toán nợ xong.

Bị đơn ông Trịnh Hữu A vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông A.

Tại phiên tòa,

Ông Hồng Quốc T - người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP X yêu cầu ông A trả tiền nợ gốc tính đến ngày 27/6/2018 là 195.450.293 đồng và tiền lãi/phí 214.021.011 đồng, tổng tiền gốc và lãi/phí 409.471.304 đồng. Đồng thời ông A tiếp tục trả lãi phát sinh theo Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế cho đến khi thanh toán nợ xong.

Bị đơn ông Trịnh Hữu A vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 30/9/2014 và Đề nghị thay đổi hạn mức tín dụng ngày 02/02/2015 thể hiện ông A vay của Ngân hàng TMCP X số tiền 200.000.000 đồng. Do ông A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu cầu ông A trả tiền nợ gốc và tiền lãi còn thiếu là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP X yêu cầu ông Trịnh Hữu A trả số tiền đã vay còn thiếu. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Xét ông Trịnh Hữu A hiện cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015. Ngân hàng TMCP X khởi kiện ông A tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Trịnh Hữu A đến Tòa án để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông A vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông A.

[4] Xét Ngân hàng TMCP X yêu cầu ông A trả tiền nợ gốc còn thiếu 195.450.293 đồng, Hội đồng xét xử căn cứ vào Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 30/9/2014 và Đề nghị thay đổi hạn mức tín dụng ngày 02/02/2015 thì giữa ông A và Ngân hàng TMCP X đã giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ thanh toán thẻ tín dụng quốc tế, theo đó ông A được Ngân hàng TMCP X phê duyệt hạn mức tín dụng là 200.000.000 đồng, ông A đã giao dịch số tiền 195.450.293 đồng và chưa hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP X. Ông A đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X nhưng ông A không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện và số tiền còn thiếu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xác định ông A còn thiếu của Ngân hàng TMCP X số tiền nợ gốc 195.450.293 đồng là có căn cứ.

[5] Về yêu cầu trả tiền lãi, Hội đồng xét xử căn cứ vào Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 30/9/2014 và Đề nghị thay đổi hạn mức tín dụng ngày 02/02/2015 thì tiền lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo mức lãi suất Ngân hàng TMCP X áp dụng vào từng thời điểm khác nhau, cụ thể tại thời điểm ông A ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP X thì mức lãi suất là 22,8%/năm (tương đương 1,9%/tháng) theo Thông báo số 637/2016/ EIB/TB-TTT ngày 13/4/2016 của Ngân hàng TMCP X nên ông A phải chịu tiền lãi quá hạn kể từ vi phạm.

[6] Xét các loại phí phát sinh mà Ngân hàng TMCP X yêu cầu ông A phải chịu trong quá trình sử dụng thẻ. Hội đồng xét xử căn cứ vào Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 19/9/2014 thì ông A đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang, đồng thời tại Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP X quy định chủ thẻ phải chịu phí tài chính

(lãi vay), phí phát sinh, các khoản phải trả khác liên quan đến việc sử dụng thẻ chưa được chủ thẻ thanh toán cho Ngân hàng TMCP X và được ghi lại trong sao kê hàng tháng. Như vậy, khi đồng ý sử dụng dịch vụ thẻ thanh toán quốc tế thì ông A đã đồng ý với những khoản phí phát sinh, yêu cầu của Ngân hàng TMCP X là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 357, Điều 463 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP X buộc ông A trả tiền nợ gốc 195.450.293 đồng và tiền lãi/phí 214.021.011 đồng, tổng tiền gốc và lãi/phí 409.471.304 đồng. Ngoài ra, ông A còn phải trả khoản nợ lãi/phí phát sinh kể từ ngày 28/6/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 30/9/2014 và Đề nghị thay đổi hạn mức tín dụng ngày 02/02/2015.

Thời hạn và phương thức trả: Trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông A vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và không có bất kỳ ý kiến trình bày nào. Tại phiên tòa, ông A vẫn vắng mặt không có lý do cũng như không đưa ra bất cứ phản hồi nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Vì vậy, ông Anh phải chịu hậu quả pháp lý đối với việc vắng mặt của mình.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 20.378.852 đồng. Ngân hàng TMCP X được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X.

1.1 Buộc ông Trịnh Hữu A trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền nợ gốc 195.450.293 (Một trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn hai trăm chín mươi ba) đồng và tiền lãi/phí 214.021.011 (Hai trăm mười bốn triệu không trăm hai mươi một nghìn không trăm mười một) đồng. Tổng tiền gốc và tiền

lãi/phí 409.471.304 (Bốn trăm lẻ chín triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn ba trăm lẻ bốn) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Ngoài số tiền nêu trên, kể từ ngày 28/6/2018 trở đi ông Trịnh Hữu A phải tiếp tục trả thêm tiền lãi/phí phát sinh theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 30/9/2014 và Đề nghị thay đổi hạn mức tín dụng ngày 02/02/2015 trên số dư nợ gốc cho đến khi trả nợ xong.

Thời hạn và phương thức trả: Trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Ông Trịnh Hữu A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 20.378.852 (Hai mươi triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm năm mươi hai) đồng.

2.2 Ngân hàng TMCP X được hoàn lại số tiền 6.135.752 (Sáu triệu một trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi hai) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006916 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ngân hàng TMCP X được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Trịnh Hữu A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Tuấn Nhu

